

SỞ Y TẾ THANH HOÁ
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 589 /KSBT-HĐKHKT
Về việc mời chào giá hiệu chuẩn,
hiệu chỉnh trang thiết bị y tế chuyên
dùng đặc thù, trang thiết bị y tế
chuyên dùng khác năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 5 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm.

Để phục vụ hoạt động chuyên môn của đơn vị, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu hiệu chuẩn, hiệu chỉnh trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù, trang thiết bị y tế chuyên dùng khác năm 2023 (chi tiết tại phụ lục 1).

Hội đồng Khoa học kỹ thuật, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa kính đề nghị các công ty, cửa hàng, hộ kinh doanh có chức năng cung cấp dịch vụ theo danh mục tại phụ lục đính kèm, báo giá và cung cấp thông tin theo mẫu tại (phụ lục 2).

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 10/5/2023 đến trước 08 giờ 0 phút ngày 22/5/2023.

Địa điểm nhận báo giá: Khoa Dược - VTYT, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ số 474, đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại liên hệ: 02373.950.614.

Địa chỉ email: duocvtyt.cdcth@gmail.com.

Trung tâm xin trân trọng thông báo./. *tw*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Dược - VTYT.

**TM. HỘI ĐỒNG KHKT
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Lê Trường Sơn
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**

Phụ lục 1:

DANH MỤC VÀ SỐ LƯỢNG TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG ĐẶC THÙ, TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DỤNG KHÁC THỰC HIỆN HIỆU CHUẨN, HIỆU CHỈNH NĂM 2023

(Kèm theo công văn số 589/KSBT-HĐKHKT ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

TT	Thông tin trang thiết bị	ĐVT	Số lượng	Nội dung công việc	Ghi chú
1	Bình oxy + đồng hồ oxy	Bình	1	Hiệu chỉnh	
2	Bộ quả cân 23 quả Model: F1 Seri: 11119512 Hsx: Mettler, Trung Quốc Mã TS: 0253	cái	1	Hiệu chuẩn 23 quả; Dây: 1-2-2-5 Khối lượng danh định: (1; 2; 2; 5; 10; 20; 20; 50; 100; 200; 200; 200)mg và (1; 2; 2; 5; 10; 20; 20; 50; 100; 200; 200)g	
3	Cân kỹ thuật 10 mũ âm 2 gam Model: CPA4202S Seri: 25206664 Hsx: Sartorius, Đức Mã TS: 0259	cái	1	Hiệu chuẩn kết hợp hiệu chỉnh tại các mức tải: (0; 1; 3; 5; 10; 30; 50; 100; 300; 500; 1000; 2000; 3000; 4000; 4100)g	
4	Can nhiệt chuẩn (Nhiệt kế chỉ thị hiện số) Model: Testo 922 Seri: 33629496/410 Hsx: Testo, Đức Mã TS: 0261	cái	1	Nhiệt độ hiệu chuẩn: Đầu đo T1: 0, 25, 30, 37, 44 °C Đầu T2: 0, 100, 200, 400, 600 °C	
5	Cân phân tích 10 mũ âm 4 gam Model: CPA224S Seri: 25210399 Hsx: Sartorius, Đức Mã TS: 0260	cái	1	Hiệu chuẩn kết hợp hiệu chỉnh tại các mức tải: (0; 0,5; 1; 3; 5; 10; 30; 50; 100; 300; 500)mg và (1; 3; 5; 10; 30; 50; 100; 200, 210)g	
6	Cân phân tích 10 mũ âm 4 gam Model: MS204 Hsx: Mettler Toledo Thụy Sĩ	cái	1	Hiệu chuẩn kết hợp hiệu chỉnh tại các mức tải: (0; 0,5; 1; 3; 5; 10; 30; 50; 100; 300; 500)mg và (1; 3; 5; 10; 30; 50; 100; 200, 210)g	
7	Cân phân tích 10 mũ âm 5 gam Model: Presscisa 262 Seri: 12143 Hsx: Swiss quality Thụy Sĩ Mã TS: 0258	cái	1	Hiệu chuẩn kết hợp hiệu chỉnh tại các mức tải: (0; 0,5; 1; 3; 5; 10; 30; 50; 100; 300; 500)mg và (1; 3; 5; 10; 30; 50; 100; 200, 210)g	
8	Hệ thống PCR đo tải lượng virus HIV NSX: Thụy Sĩ Mã TS: 0633	cái	1	Hiệu chuẩn Tay rô bột, kim hút, thể tích hút, phân tích kết quả...	
9	Máy đếm tế bào CD4 (BD FASCOUNT) Bao gồm cả máy lắc IKA Model: BD FASCOUNT Seri: D33785802529 NSX: Mỹ Mã TS: 0638	cái	1	Hiệu chuẩn Thẻ tích hút BP, mẫu chuẩn, thời gian đọc: giờ, ngày, tháng đọc kết quả, phân tích kết quả...	
10	Máy điện tim 6 cần Cardiofax S	Máy	1	Hiệu chỉnh	

TT	Thông tin trang thiết bị	ĐVT	Số lượng	Nội dung công việc	Ghi chú
11	Máy đo ánh sáng Extech Model: EA30 Hãng Sx/Xx: Mỹ Mã TS:C202055	Máy	1	Độ rọi HC đến 20000 lux	
12	Máy đo chức năng hô hấp Hãng Sx/Xx: Japan Mã TS:TS0771	Máy		Hiệu chuẩn	
13	Máy đo huyết áp + ống nghe tim phổi	Bộ	10	Hiệu chỉnh	
14	Máy đo khí độc đa chỉ tiêu Model: X-AM 8000 Seri: ARMC-0066 Hsx: Dräger – Đức Mã TS: 0302	cái	1	Sửa và hiệu chuẩn các Sensor: Cl ₂ , SO ₂ , NO (Máy báo không nhận Sensor)	
15	Máy đo khí độc đa chỉ tiêu Model: X-AM 8000 Seri: ARMC-0067 Hsx: Dräger – Đức Mã TS: 0301	cái	1	Hiệu chuẩn các Sensor: NO ₂ , NH ₃ , H ₂ S, CO	
16	Máy đo nồng độ bụi cầm tay DustTrak TM DRX Model: 8534 Seri: 8534191309 Hsx: TSI - Mỹ Mã TS: 0289	cái	1	Hiệu chuẩn Thang nồng độ bụi 0,001 đến 150 mg/m ³	
17	Máy đo pH để bàn Model: pH 700 Seri: 3047370 Hsx: Eutech Instruments, Singapo	cái	1	- Hiệu chuẩn giá trị pH 4,00; 7,00; 10,00 ở nhiệt độ 15, 25, 40°C - Kiểm tra độ ổn định - KT hiệu suất điện cực - Kiểm tra bù nhiệt	
18	Máy đo pH để bàn Model: Orion Star A211 Seri: X45292 Hsx: Thermo, Indonesia Mã TS: 0305	cái	1	- Hiệu chuẩn giá trị pH 4,00; 7,00; 10,00 ở nhiệt độ 15, 25, 40°C - Kiểm tra độ ổn định - KT hiệu suất điện cực - Kiểm tra bù nhiệt	
19	Máy đo phóng xạ Inspector Model: Inspector Serial: 05834 Hãng Sx/Xx: Mỹ Mã TS: TS0508	Máy	1	Hiệu chuẩn theo thông số kỹ thuật	
20	Máy đo quang phổ Model: UV-1800 Seri: A11635100798 Hsx: Shimadzu, Nhật	cái	1	Bước sóng hiệu chuẩn: (270, 280, 300, 320, 340, 410, 420, 440, 510, 520, 546, 570, 600, 635, 860) nm	
21	Máy đo Vi khí hậu Kestrel5000 Model: Kestrel5000 Hãng Sx/Xx:Nielsen-Mỹ Mã TS: TS0729	Máy	1	Nhiệt độ HC (15,25,35) độ C Độ ẩm HC:(30,55,80)% RH Tốc độ gió HC theo thông số kỹ thuật của TB	
22	Máy đo Vi khí hậu Model: LM-8000A Hãng Sx/Xx:Lutron/ Đài Loan Mã TS: TS0511	Máy	1	Nhiệt độ HC (15,25,35) độ C Độ ẩm HC:(30,55,80)% RH Tốc độ gió HC theo thông số kỹ thuật của TB	

TT	Thông tin trang thiết bị	ĐVT	Số lượng	Nội dung công việc	Ghi chú
23	Máy đọc ELISA Model: Choromate 4300 Seri: 4300-3084 Hsx: Awreiness, Mỹ Mã TS: 0155	cái	1	Hiệu chuẩn Mật độ quang	
24	Máy đọc ELISA Model: Imark Seri: 12240 Hsx: Bio-rad, Nhật	cái	1	Hiệu chuẩn Mật độ quang	
25	Máy đọc ELISA Model: Imark Seri: 19657 Hsx: Bio-rad, Nhật Mã TS: 0351	cái	1	Hiệu chuẩn Mật độ quang	
26	Máy li tâm lạnh Model: Sigma Seri: 178794 Hsx: Hettich, Đức.	cái	1	Hiệu chuẩn Tốc độ vòng quay, nhiệt độ	
27	Máy pha chế (rót) môi trường Model: Dose it 0910 Seri: 1711048 Hsx: Intergra Bio sciences - Thụy Sĩ Mã TS: 0380	cái	1	Hiệu chuẩn, Kiểm tra độ chính xác thể tích	
28	Máy rửa ELISA Model: ELx501 Seri: 159802 Hsx: Bio-rad, Mỹ	cái	1	Hiệu chuẩn Thẻ tích rửa	
29	Máy rửa ELISA Model: PW40 Seri: EC9E310619 Hsx: Bio-rad, Pháp Mã TS: 0351	cái	1	Hiệu chuẩn Thẻ tích rửa	
30	Máy rửa ELISA Model: PW40 Seri: EC9J349924 Hsx: Bio-rad, Pháp	cái	1	Hiệu chuẩn Thẻ tích rửa	
31	Máy sinh hóa máu Model: Humanlyzer 2000 Hsx: Mỹ Mã TS: 0647	cái	1	Hiệu chuẩn: Phân tích độ chính xác của hệ thống: GLU, SGOT, SGPT, Sắt, Canxi, Choleterol, Ure, Creatinin, Uric	
32	Máy sinh hóa nước tiểu 13 thông số Model: Combilyzer 13 Seri: 65205 Hsx: Human, Đức Mã TS: 0029	cái	1	Hiệu chuẩn: Phân tích 13 chỉ tiêu	
33	Máy tạo oxy di động 5lit/phút IRC6LXO2AW- TQ	Máy	1	Hiệu chỉnh	
34	Máy ủ ELISA Model: Statfax * Hsx: Awreiness, Mỹ Mã TS: 0155	cái	1	Hiệu chuẩn: Nhiệt độ	

TRU
KIỂM
BÊN
25

TT	Thông tin trang thiết bị	ĐVT	Số lượng	Nội dung công việc	Ghi chú
35	Máy ủ ELISA Model: IPS Seri: 10075940 Hsx: Bio-rad, Pháp Mã TS: 0351	cái	1	Nhiệt độ ở 35, 36, 37, 38, 39 độ C	
36	Máy ủ ELISA Model: IPS Seri: 4073737 Hsx: Bio-rad, Nhật	cái	1	Hiệu chuẩn: Nhiệt độ	
37	Monitor sản khoa	Máy	1	Hiệu chỉnh	
38	Nhiệt ẩm kế điện tử Model: 608-H1 Seri: 45070749 Hsx: Testo, TQ Mã TS: C202068	cái	1	- Nhiệt độ hiệu chuẩn (10,25,35) độ C - Độ ẩm hiệu chuẩn (30,55,80) %RH	
39	Nhiệt kế ẩm tự ghi Model: GSP-6 HSX:ELITACH, Trung Quốc	cái	7	Hiệu chuẩn nhiệt độ, độ ẩm	
40	Nhiệt kế ẩm tự ghi Model TT-580 HSX: Tanita	cái	2	Hiệu chuẩn nhiệt độ, độ ẩm	
41	Nhiệt kế	cái	6	Hiệu chỉnh	
42	Nồi cách dầu Model: JSOB-333T Seri: 130906-015 Hsx: JSR, Hàn Quốc Mã TS: 0324	cái	1	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 98oC	
43	Nồi hấp tiệt trùng Model: HSSS325 Seri: 36103083 Hsx: Nhật Bản	cái	1	Hiệu chuẩn: Nhiệt độ trung bình tổng thể, - Đặc trưng hoạt động, - Áp suất trung bình tổng thể	
44	Pipet Piston 2-10 ml Model: EMCLAB Hsx: Eppendorf, Đức Mã TS: C202125	cái	1	Hiệu chuẩn: Thử tích 3 mức 2ml, 5ml, 10 ml	
45	Pipetman 0,5-10 µl đơn kênh Hãng sx: Bio-rad	cái	2	Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 0,5µl; 5µl; 00µl	
46	Pipetman 0,5-10 µl đơn kênh Hsx: Clever Scientific	cái	2	Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 0,5µl; 5µl; 10µl	
47	Pipetman 100 -1000µl đơn kênh Hãng sx: Bio-rad	cái	3	Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100µl; 500µl; 1000µl	
48	Pipetman 100 -1000µl đơn kênh Hsx: Clever Scientific	cái	2	Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100µl; 500µl; 1000µl	
49	Pipetman 20-200 µl đơn kênh Hãng sx: Bio-rad	cái	2	Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 20µl; 100µl; 200µl	
50	Pipetman 20-200 µl đơn kênh Hsx: Clever Scientific	cái	2	Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 20µl; 100µl; 200µl	

TT	Thông tin trang thiết bị	ĐVT	Số lượng	Nội dung công việc	Ghi chú
51	Pipetman 20-200μl Mã TS: 202157	cái	1	Hiệu chuẩn: Kiểm tra mức độ chính xác ở 4 mức: 20 μ l, 50 μ l, 100 μ l, 200 μ l;	
52	Pipetman10 - 100μl đơn kênh; Model: TC Seri: IB457888 Hsx: Trung Quốc	cái	1	Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 10 μ l; 50 μ l; 100 μ l	
53	Pipetman100 - 1000μl đơn kênh; Mod: Transferpette S Hsx: Brand, Đức.	cái	1	Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100 μ l; 500 μ l; 1000 μ l	
54	Pipetman100 - 1000μl đơn kênh; Model: TC Seri: 176000 Hsx: Trung Quốc	cái	1	Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100 μ l; 500 μ l; 1000 μ l	
55	Pipetman100 - 1000μl đơn kênh; Model: 4u Seri: LH643581 Hsx: Đức	cái	1	Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100 μ l; 500 μ l; 1000 μ l	
56	Pipetman50 - 200μl đơn kênh; Mã TS: 202154	cái	1	Hiệu chuẩn: Kiểm tra độ chính xác ở 2 mức 50 μ l; 200 μ l;	
57	Tủ ấm Model: BE 400 Hsx: Memmer, Đức Mã TS: 0431	cái	1	Hiệu chuẩn: Nhiệt độ: 44°C	
58	Tủ ấm Model: JSJI-153P Seri: 13110674 Hsx: Hàn Quốc Mã TS: 0448	cái	1	Hiệu chuẩn: Nhiệt độ: 37°C	
59	Tủ an toàn sinh học cấp II Model: Airstream Hsx: ESCO, Singapo Mã TS: 0401	cái	1	Hiệu chuẩn: - Tốc độ dòng khí vào - Tốc độ dòng khí đi xuống - Cường độ ánh sáng - Cường độ ánh sáng tím - Độ ồn - Hiệu suất màng lọc	
60	Tủ sấy Memmert Xuất xứ: Memmert/Đức	cái	1	Hiệu chỉnh	
61	Tủ sấy Model: JSOF-153T Seri: 13110782 Hsx: JSR, Hàn Quốc Mã TS: 0340	cái	1	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 105, 121, 150oC	
62	Tủ sấy Model: UF160 Hsx: Memmert, Đức Mã TS: 0437	cái	1	Kiểm tra, hiệu chuẩn độ chính xác, độ đồng đều, độ ổn định nhiệt độ trong tủ tại 9 vị trí	
63	Tủ bảo quản vắc xin - Model: HBC-70 - Hãng sản xuất: Haier BioMedical, Trung Quốc	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ	

TT	Thông tin trang thiết bị	ĐVT	Số lượng	Nội dung công việc	Ghi chú
64	Tủ bảo quản vắc xin - Model: TCW 3000; TCW 3000AC - Hãng Sx/Xx: B Medical Systems, Luxembourg	Cái	6	Hiệu chuẩn nhiệt độ	
65	Tủ bảo quản vắc xin - Model: TCW 4000AC - Hãng Sx/Xx: B Medical Systems, Luxembourg	Cái	4	Hiệu chuẩn nhiệt độ	
66	Tủ bảo quản vắc xin - Model: VLS 200 - Hãng sản xuất: Vestfrost - Xuất xứ: Đan Mạch	Cái	3	Hiệu chuẩn nhiệt độ	
67	Tủ đá Model: TFW800 - Hãng sản xuất: B Medical Systems - Xuất xứ: Luxembourg	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ	
68	Hệ thống kho lạnh bảo quản vắc xin	Hệ thống	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ	



Phụ lục 2

Tên công đơn vị (công ty, cửa hàng):
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Mã số thuế:



BẢNG BÁO GIÁ DỊCH VỤ

Công ty (cửa hàng, hộ kinh doanh) xin gửi báo giá dịch vụ hiệu chuẩn, hiệu chỉnh trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù, trang thiết bị y tế chuyên dùng khác, cụ thể như sau:

ST T	Thông tin trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nội dung thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1								
....								
	Chi phí đi lại							
	Tổng cộng							
Bằng chữ:								

Ghi chú:

- Giá trên là giá trọn gói đã bao gồm thuế VAT và các chi phí khác theo quy định.
- Thời gian thực hiện: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
- Thời gian báo giá có hiệu lực
- Báo giá có hiệu lực từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

....., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC CÔNG TY (CHỦ CỬA HÀNG)
(Ký tên, đóng dấu)